

Bản án số: 116/2018/HS-PT
Ngày: 06 tháng 3 năm 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung;

Ông Đặng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLPT-HS ngày 13 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Do Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Bị cáo kháng cáo: Phạm Văn L, sinh năm: 1980 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã VH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, tổ 17, ấp 6, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Phạm Đức T và bà: Bùi Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị Thùy L1 (Nguyễn Ngọc Mỹ L1), có 01 con sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 07/5/2013, bị Tòa án nhân dân quận GV xử 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm (bị cáo chưa thi hành án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt 3.000.000 đồng); Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2014.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn D1, Công ty Luật Lam Sơn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung vụ án tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 01/10/2014, Công an xã ĐT, huyện HM kiểm tra hành chính nhà không số, tại tổ 17, ấp 6, xã ĐT, huyện HM đã phát hiện Phạm Văn L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại phòng riêng của L gồm: 06 gói nylon và 01 lọ thủy tinh chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy thể rắn, có khối lượng 140.1635g, loại Methamphetamine (MA); 01 hộp nhựa chứa chất bột màu xanh, kết quả giám định có ma túy loại Ketamine, khối lượng 1.136,75g; 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng có khối lượng 1.131,41g và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 19.413,1g, kết quả giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy, tiền chất thường gặp (theo Kết luận giám định số 1755/KLGDD-H ngày 14/10/2014 và Công văn giải thích số 469/PC54-D96 ngày 17/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại bản án sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Phạm Văn L tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 01/10/2014. Buộc bị cáo Phạm Văn L nộp phạt bổ sung 30.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/3/2017, bị cáo L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xác nhận Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do chưa giám định đầy đủ hàm lượng chất ma túy loại Ketamine nên hình phạt của bản án sơ thẩm là quá nặng so với hành vi phạm tội gây ra; bị cáo có mẹ đã tham gia lực lượng Thanh niên xung phong, nay đã già yếu, con bị cáo còn nhỏ trong khi vợ không có công việc, bản thân bị cáo cũng bị bệnh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L trình bày: Thống nhất tội danh mà Tòa án đã xét xử đối với bị cáo L. Tuy nhiên, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo đang bị bệnh, có con còn nhỏ; có mẹ nguyên là Thanh niên xung phong; phạm tội do bị người khác lợi dụng, khi biết trong ba lô do người tên L1 gửi có ma túy bị cáo chưa kịp báo cơ quan công an thì bị bắt; số ma túy thu giữ tại nhà bị cáo trong đó có Ketamine đã được giám định hàm lượng. Vì vậy, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh
có ý kiến: Bị cáo L bị bắt quả tang đang tàng trữ trái phép chất ma túy, tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định khối lượng ma túy, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị cáo L kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà không số, thuộc tổ 17, ấp 6, xã ĐT, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh, đã bị Công an xã ĐT, huyện HM kiểm tra hành chính vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 01/10/2014 và thu giữ tang vật là ma túy thể rắn. Tại Kết luận giám định số 36/KLGD-HL ngày 20/5/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định là ma túy loại Methamphetamine (MA) có khối lượng, là 140.1635g. Tại Kết luận giám định số 3707/C54B ngày 24/11/2017 của Phân viện Khoa học kỹ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bộ Công an) đã xác định là ma túy loại Ketamine có khối lượng là 31,829g. Tổng khối lượng của 2 loại ma túy thể rắn nêu trên là: 171,9925g.

Đối chiếu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, vật chứng và kết quả giám định, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo L đã có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, có khối lượng tổng cộng 171,9925g loại Methamphetamine và Ketamine. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo L đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Hành vi của bị cáo L là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây tác hại xấu đến sức khỏe cộng đồng và nhiều mặt của đời sống xã hội.

Xét kháng cáo của bị cáo L, thấy rằng: Trong quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ vụ án để giám định hàm lượng Ketamine trong số ma túy thể rắn 1.136,75g thu được nhưng tại Kết luận giám định số 36/KLGD-HL ngày 20/5/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định không giám định được hàm lượng Ketamine (trong khối lượng 1.136,75g) do chưa được cấp mẫu chuẩn. Căn cứ

khoản 2, Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trực tiếp trưng cầu giám định hàm lượng ma túy, loại Ketamine để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật. Tại Kết luận giám định số 3707/C54B ngày 24/11/2017 của Phân viện Khoa học kỹ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bộ Công an) đã xác định khối lượng, loại Ketamine là 31,829g.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng khối lượng ma túy thể rắn mà bị cáo L đã tàng trữ là 1.276,9135g (gồm 140,1635 loại Methamphetamine và 1.136,75g loại Ketamine) và áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo tù chung thân là không chính xác. Tuy nhiên, đây là lý do khách quan. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo xuất trình chứng cứ xác định là con ruột bà Bùi Thị Đ là cựu Thanh niên xung phong tiên tiến làm theo lời Bác nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2018 khi lượng hình. Các tình tiết giảm nhẹ khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và nội dung bào chữa của Luật sư của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Bị cáo L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Theo quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì chất ma túy Methamphetamine là loại ma túy khác. So sánh với Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về chất ma túy loại Methamphetamine là không có lợi cho bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn L.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 77/2017/HSST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/10/2014).

Tiếp tục giam giữ bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Văn L phải chịu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/3/2018)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Thành phố HCM;
- VKSND Thành phố HCM;
- Cục THADS Thành phố HCM;
- Công an Thành phố HCM;
- Sở Tư pháp Thành phố HCM;
- Trại tạm giam Công an Thành phố HCM;
- Trại tạm giam Công an Thành phố HCM (Tổng đạt cho 02 bị cáo);
- Lưu: VP, HS, 15bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương